

Tỉnh Nam định:

— Phòng doanh nghiệp Xuân trường thành Chi điểm Xuân trường hoạt động trong huyện Xuân trường.

— Phòng doanh nghiệp Giao thủy thành Chi điểm Giao thủy hoạt động trong huyện Giao thủy.

— Phòng doanh nghiệp Vụ bản thành Chi điểm Vụ bản hoạt động trong huyện Vụ bản.

— Phòng doanh nghiệp Trục ninh thành Chi điểm Trục ninh hoạt động trong huyện Trục ninh.

— Phòng doanh nghiệp Nghĩa hưng thành Chi điểm Nghĩa hưng hoạt động trong huyện Nghĩa hưng.

Điều 3. — Công tác của mỗi Chi điểm nói trên sẽ do Trưởng chi nhánh ở tỉnh tạm thời quy định theo yêu cầu của từng khu vực.

Điều 4. — Ông Chánh văn phòng Ngân hàng trung ương và các ông Trưởng chi nhánh các tỉnh Tuyên quang, Thái bình, Ninh bình, Thanh hóa, Hồng quang, Hải dương, Nam định, Hải ninh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 26 tháng 6 năm 1959

Tổng Giám đốc
Ngân hàng Quốc gia Việt nam
LÊ VIẾT LƯỢNG

NGHỊ ĐỊNH số 72-VP/NGD ngày 29-6-1959 thành lập các Chi điểm Ngân hàng thuộc khu vực thành phố Hải phòng.

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ sắc lệnh số 15-SL ngày 6-5-1951 thiết lập Ngân hàng Quốc gia Việt nam;

Căn cứ nghị định số 94-TTg ngày 27-5-1951 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết tổ chức Ngân hàng Quốc gia Việt nam;

Theo đề nghị của ông Trưởng chi nhánh Ngân hàng Hải phòng, được Ủy ban Hành chính thành phố đồng ý;

Xét theo nhu cầu công tác,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Thành lập các Chi điểm Ngân hàng sau đây thuộc các khu vực trong thành phố Hải phòng:

— Chi điểm Cầu dất hoạt động trong các khu Cầu dất, Hàng kênh, Dư hàng và Chợ sắt.

— Chi điểm Gia-lạc-viên hoạt động trong khu Gia-lạc-viên về 1/4 khu Cầu dất.

— Chi điểm Hải an, hoạt động trong huyện Hải an.

— Chi điểm Thủy nguyên hoạt động trong huyện Thủy nguyên.

— Chi điểm Cát hải hoạt động trong huyện Cát hải.

Điều 2. — Công tác của các Chi điểm nói trên sẽ do Trưởng Chi nhánh Ngân hàng Hải phòng tạm thời quy định tùy theo yêu cầu của từng khu vực.

Điều 3. — Ông Chánh văn phòng Ngân hàng trung ương và ông Trưởng chi nhánh Ngân hàng Hải phòng chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 29 tháng 6 năm 1959

Tổng giám đốc
Ngân hàng Quốc gia Việt nam
LÊ VIẾT LƯỢNG

THÔNG TƯ số 2041-QLNH/TT ngày 29-6-1959 hướng dẫn thi hành chế độ thủ tục phí trong nghiệp vụ đối ngoại của Ngân hàng.

Căn cứ vào Quyết định số 166-VP/QLNH ngày 3 tháng 6 năm 1959 của Ngân hàng Quốc gia Việt nam quy định chế độ thủ tục phí trong nghiệp vụ đối ngoại của Ngân hàng.

Chúng tôi thấy cần nói rõ thêm một số vấn đề như sau:

1. Quyết định số 166-VP/QLNH thay thế thông tư số 906-VP/TT ngày 15-4-1958, chỉ áp dụng trong nước tức là áp dụng giữa Ngân hàng Quốc gia Việt nam với các khách hàng trong nước (kể cả người ngoại quốc). Đối với các Ngân hàng nước ngoài sẽ có thể lệ riêng.

2. Thủ tục phí chỉ thu thêm mà không hoàn lại trừ trường hợp sai lầm do Ngân hàng Quốc gia Việt nam hoặc Ngân hàng nước ngoài gây nên.

Do đó nếu gặp khi thủ tục phí điều chỉnh cao hơn thủ tục phí trước kia thì Ngân hàng Quốc gia Việt nam sẽ thu thêm phần chênh lệch đó (ví dụ điều chỉnh từ phương thức trả tiền ngay qua Ủy thác thu).

3. Thủ tục phí tính cho toàn bộ một công việc không kể thời gian sử dụng ngắn hay dài.

4. Thủ tục phí không bao gồm điện phí, nếu dùng điện, khách hàng phải chịu riêng.

5. Về thanh toán Mậu dịch:

a) Bản thủ tục phí về Mậu dịch áp dụng chung cho cả phần xuất khẩu và nhập khẩu.

b) Đối với Quốc doanh, nếu công việc giao dịch trị giá dưới 200 đồng Việt nam thì Ngân hàng Quốc gia Việt nam sẽ gộp hai hoặc nhiều công việc cùng một loại phương thức thanh toán và cùng một Ngân hàng nước ngoài vào một phiếu rồi trên tổng số tiền gộp lại của những giao dịch đó sẽ tính thủ tục phí.

Nhưng nếu công việc giao dịch trị giá trên 200 đồng Việt nam thì dù cho Ngân hàng Quốc gia Việt nam có gộp hai hoặc nhiều công việc giao dịch cùng một phiếu, nhưng vẫn tính rời thủ tục phí cho từng công việc.

6. Về thanh toán phí Mậu dịch:

a) Chuyển tiền đi ra nước ngoài bao gồm các hình thức điện hối, thư hối, séc, tín dụng thư lữ hành, séc lữ hành, tiền mặt v.v...

b) Việc chuyển tiền từ nước ngoài vào nước Việt nam dân chủ cộng hòa bằng các hình thức nói trong đoạn a nói trên đều được miễn thủ tục phí. Nhưng cần lưu ý những trường hợp sau đây:

— Nếu người được hưởng muốn chuyển số tiền đó cho một cơ quan hoặc một người khác ở trong nước, thì người được hưởng phải chịu một khoản thủ tục phí tính theo chế độ chuyển tiền trong nội địa.

— Nếu người được hưởng yêu cầu Ngân hàng Quốc gia Việt nam chuyển chứng từ thanh toán ra nước ngoài thì phải chịu tiền bưu phí.

— Đối với những khoản tiền ở nước ngoài chuyển vào Việt nam và khách hàng đã lấy ra nhưng không dùng đến hoặc không dùng hết, và nếu được phép chuyển trả lại người gửi tiền thì khách hàng phải trả thủ tục phí số tiền đó theo thể lệ quy định về thủ tục phí chuyển tiền đi.

c) Máy điểm cần chú ý trong việc nhờ nước ngoài thu hộ hoặc nước ngoài nhờ thu hộ:

Nếu Ngân hàng nước ngoài nhờ Ngân hàng Quốc gia Việt nam thu hộ một số tiền, có quy định rõ là người trả tiền phải trả tất cả các chi phí thì Ngân hàng Quốc gia Việt nam sẽ thu thủ tục phí của người trả tiền theo thể lệ quy định đối với việc nước ngoài nhờ thu hộ.

— Nếu khách hàng trong nước nhờ Ngân hàng Quốc gia Việt nam thu hộ một số tiền ở nước ngoài bằng các hình thức trả tiền ngay, bảo chứng thư, ủy thác thu, phiếu cử v.v... thì người nhờ thu hộ (tức là khách hàng trong nước) phải chịu thủ tục phí theo thể lệ quy định đối với việc nhờ thu hộ nước ngoài.

Hà nội ngày 29 tháng 6 năm 1959

T.L. Tổng Giám đốc Ngân hàng Quốc gia Việt nam

Giám đốc Cục Quản lý Ngoại hối

DƯƠNG VĂN LAN

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 26-TC/CĐKT ngày 11-6-1959 quy định về hạch toán kế toán phí tổn trực tiếp, phí tổn gián tiếp và công trình tạm thời loại lớn trong công trình kiến thiết cơ bản.

Căn cứ vào thông tư số 880-UB/CQL ngày 24-4-1959 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước quy định tạm thời các thành phần phí tổn trực tiếp và gián tiếp trong công trình kiến thiết cơ bản, dưới đây Bộ tài quy định về mặt hạch toán kế toán để bổ sung một số quy định trong chế độ kế toán kiến thiết cơ bản hiện hành:

I. PHÍ TỔN TRỰC TIẾP KHÁC

Bao gồm thêm các khoản chi dưới đây:

1. Phí tổn về vận chuyển vật liệu trong phạm vi công trường (vận chuyển bằng mọi phương tiện kể cả phương tiện cơ giới).

2. Phí tổn về điện nước, sức gió, hơi nước dùng vào việc hoạt động của thi công như thắp đèn ở công trường để làm đêm v.v...

3. Phí tổn về chuẩn bị công trường, như: dọn dẹp chỗ để thi công, do đặc nhỏ, đóng cọc tạm phụ, cắm ngựa và phí tổn về thu dọn công trường sau khi hoàn thành công trình để bàn giao.

II. PHÍ TỔN GIÁN TIẾP

A. Chi phí về quản lý hành chính.

Bao gồm thêm các khoản chi dưới đây:

1. Chi phí về điện nước dùng vào việc sinh hoạt của công nhân viên, việc hoạt động của bộ máy và việc bảo vệ công trường.

2. Chi về tiền lương và chiêu đãi chuyên gia các nước bạn hướng dẫn kỹ thuật của đơn vị thi công (để thành một mục riêng).

Trường hợp cho thầu công trình xây lắp nếu đơn vị kiến thiết có chi về lương và chiêu đãi chuyên gia thời khoản chi này không hạch toán vào giá thành công trình xây lắp (Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ có quy định riêng về điểm này).

B. Chi phí gián tiếp khác.

Bao gồm thêm các khoản chi dưới đây:

1. Chi phí để giải quyết các quyền lợi của công nhân do chế độ tiền lương và phụ cấp Nhà nước đã quy định.

2. Chi phí về công tác kiểm kê tài sản hàng năm của đơn vị thi công, và trong phạm vi tài sản của đơn vị thi công.